

Bản án số: 10/2026/HS-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYỀN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ, ông Nguyễn Công Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quốc Dũng - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Ông Lộc Thế Anh và ông Hoàng Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2026, tại điểm cầu trung tâm, hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang; tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2026/TLST-HS ngày 11/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HS ngày 27/02/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Sùng Mí X** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 13/3/1974; nơi sinh: thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo theo Quyết định số 03-QĐ/UBKTDU ngày 06/10/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã M, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Sùng Thè P (đã chết) và bà Thò Thị S (đã chết); có vợ là Ly Thị X1, sinh năm 1973 (đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Căn cước công dân số: xxxxxx do cục Cảnh sát QLHC về TTXH-Bộ Công an cấp ngày 16/10/2022; tiền án: tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

2. Họ và tên: **Lương Văn D** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 07/01/1985 tại xã D1, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lương Văn T, sinh năm 1962 và bà Hà Thị L1, sinh năm 1961; có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Căn cước công dân số:

xxxxxx, do do cục Cảnh sát QLHC về TTXH- Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; tiền án: tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 02/2022/HS-ST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lò Thị H; sinh 1988; địa chỉ: thôn Q, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Giáo viên. Có mặt.

+ Thào Mí S; sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Há S1, xã M, tỉnh Tuyên Quang (Hiện đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa phương); nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 45 phút, ngày 10/9/2025, tại thôn S2, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Công an xã M phát hiện Lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: Lương Văn D, sinh ngày 07/01/1985; Trú tại: Thôn Quyết Tâm, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 08 gói ma túy Heroine có tổng khối lượng 0,490 gam và 01 xe mô tô biển kiểm soát 23N1-121.85 D khai nhận mua số ma túy trên của Sùng Mí X, sinh ngày 13/3/1974; Trú tại: Thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 10/9/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh khám xét khẩn cấp đối với Sùng Mí X, thu giữ 06 gói ma túy Heroine có tổng khối lượng: 0,460 gam và 01 điện thoại di động để điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang Xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Lương Văn D và Sùng Mí X là người sử dụng ma túy, có mối quan hệ xã hội quen biết với nhau từ trước, biết X có ma túy bán nên D đã mua ma túy của X về sử dụng cụ thể như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/9/2025, Lương Văn D gọi điện thoại cho Sùng Mí X hỏi mua ma túy Heroine, X đồng ý. Sau đó D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23N1-121.85 đi từ xã Đ đến xã M, tỉnh Tuyên Quang với mục đích gặp X để mua ma túy về sử dụng. Khi đến nhà và gặp X, D đi vào trong nhà hỏi mua 08 gói Heroine với số tiền là 1.600.000 đồng (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*) X đồng ý. D lấy tiền đưa cho X, còn X đi vào buồng ngủ lấy ma túy được giấu dưới chăn để trên giường mang ra đưa cho D 08 gói ma túy Heroine được gói ngoài bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, D cầm 08 gói Heroine cất giấu vào một chiếc túi ni lon màu trắng, sau đó cất giấu vào túi quần phía sau bên trái đang mặc trên người điều khiển xe mô tô đi về. Khi đi đến đoạn đường tỉnh lộ 176 thuộc thôn S2, xã M, thì D bị tổ công tác Công an xã M, tỉnh Tuyên Quang yêu cầu dừng xe để kiểm tra, Quá trình

kiểm tra D đã tự giác giao nộp 01 túi ni lon màu trắng bên trong có 08 gói Heroine cất giấu trong túi quần đang mặc phía sau bên trái của D.

Tại Cơ quan điều tra D khai nhận, ngoài lần mua ma túy trên thì vào khoảng 08 giờ 20 phút ngày 09/9/2025, D sử dụng điện thoại di động số 0398.486.535 gọi cho Sùng Mí X, sinh năm 1974; Nơi thường trú: Thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang có số điện thoại là số 0349.188.981 hỏi mua ma túy Heroine. X đồng ý, sau khi liên lạc với nhau xong D điều khiển xe mô tô 23N1-121.85 đến nhà X, hỏi mua 08 gói Heroine với số tiền 1.600.000 đồng, D đưa tiền, X cầm tiền rồi đi vào buồng ngủ lấy 08 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy trắng vờ học sinh cất giấu dưới chân giường mang ra đưa cho D, D cầm 08 gói Heroine và gói lại số ma túy vào trong một tờ giấy, cất giấu vào trong túi quần phía sau bên trái và điều khiển xe mô tô đi về nhà ở xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Số ma túy mua được của X ngày 09/9/2025 D đã sử dụng hết bằng hình thức đốt hít vào cơ thể qua đường hô hấp.

Tiến hành điều tra mở rộng để làm rõ nguồn gốc số ma túy Heroine Sùng Mí X bán cho Lương Văn D và 06 gói Heroine thu giữ khi khám xét, Sùng Mí X khai nhận:

Khoảng 12 giờ ngày 07/9/2025 X gọi điện thoại cho Thảo Mí S, sinh năm 1974, thường trú tại thôn Há S1, xã M, tỉnh Tuyên Quang để hỏi mua Heroine, số điện thoại S là 0387.842.933 thì được S đồng ý, sau đó S mang đến nhà đưa cho X 20 gói (Heroine) với số tiền là 1.600.000 đồng số tiền này X vẫn nợ S. Sau khi mua được 20 gói (Heroine) X đã sử dụng cho bản thân nhiều lần trong hai ngày 07/9/2025 và 08/9/2025 bằng cách đốt hít vào cơ thể cho đến sáng ngày 09/9/2025 còn lại 08 gói (Heroine) X đã bán lại cho Lương Văn D với số tiền 1.600.000 đồng. Đến khoảng 05 giờ 00, sáng ngày 10/9/2025 X tiếp tục hỏi mua ma túy (Heroine) của S với số tiền 1.200.000 đồng và mang đến nhà đưa cho X 01 gói (Heroine), mua được ma túy (Heroine) X trả cho S số tiền 1.600.000 đồng (số tiền X mua Heroine của S vào ngày 07/9/2025). Sau khi mua được Heroine X đi vào trong phòng ngủ và chia số ma túy mua được ra thành 16 gói nhỏ đều được gói bên ngoài bằng giấy trắng. X đã sử dụng hết 02 gói bằng cách đốt hít vào cơ thể. Đến khoảng 11 giờ ngày 10/9/2025 Lương Văn D đến nhà X hỏi mua Heroine, X bán cho D 08 gói Heroine với giá 1.600.000 đồng. Còn lại 05 gói X cất giấu trong buồng ngủ và 01 gói Heroine X cất trong ví đã bị cơ quan Công an thu giữ khi thi hành lệnh khám xét khẩn cấp.

Căn cứ lời khai của Sùng Mí X ngày 11/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với Thảo Mí S, kết quả thu giữ 01 gói Heroine có khối lượng 0,074 gam. S khai nhận không bán Heroine cho Sùng Mí X ngoài ra S còn mua của X 01 gói Heroine vào sáng ngày 10/9/2025 với số tiền 150.000 đồng. Sau khi mua được Heroine của X thì S mang về nhà sử dụng một phần số còn lại S gói vào tờ lịch cất giấu ở đầu giường ngủ với mục đích để sử dụng cho nhu cầu của bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan điều tra thu giữ và niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Thảo Mí S khai nhận ngoài lần mua ma túy của X đã khai báo trên thì S còn có 02 lần đi mua ma túy của người đàn ông tên S3 nhà ở xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang, đã sử dụng thời gian trước đó nhưng S không nhớ thời gian cụ thể mua bán như thế nào. Qua điều tra xác định tại xã M1 có người tên Nguyễn Văn S3, Sinh ngày

01/8/1992, trú tại thôn P1, xã M1, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên Nguyễn Văn S3 khẳng định không quen biết Thảo Mí S và không được bán ma túy cho Thảo Mí S. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang không đủ căn cứ để tiến hành xử lý hình sự trong vụ án này.

Ngày 10/9/2025 Cơ quan điều tra tiến hành xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy trong cơ thể đối với Sùng Mí X và Lương Văn D, kết quả Sùng Mí X và Lương Văn D (+) dương tính với chất ma túy.

Ngày 11/9/2025, Xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy trong cơ thể đối với Thảo Mí S có kết quả (+) dương tính với chất ma túy

Tiến hành xác minh tại Công an xã M, Công an xã Đ, tỉnh Tuyên Quang đối với Sùng Mí X và Lương Văn D; Thảo Mí S không thuộc diện quản lý sau cai, không thuộc diện đối tượng điều trị cai nghiện bằng thuốc thay thế Methadone, không thuộc diện đối tượng cai nghiện tự nguyện hoặc cai nghiện bắt buộc. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý Sùng Mí X, Lương Văn D, Thảo Mí S về tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự.

Ngày 11/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân cùng Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành mở niêm phong vật chứng, cân tịnh khối lượng và gửi mẫu giám định, kết quả: Số chất bột màu trắng ký hiệu A thu giữ khi bắt quả tang Lương Văn D có tổng khối lượng là 0,490 gam (không phải bốn chín không gam); Số chất bột màu trắng ký hiệu A thu giữ khi khám xét chỗ ở Sùng Mí X có tổng khối lượng là 0,460 gam (không phải bốn sáu không gam). Đến ngày 13/9/2025 tiến hành cân tịnh số chất ma túy thu giữ tại nhà Thảo Mí S với khối lượng 0,074g (không phải không bảy tư gam). Tiến hành thu mẫu để phục vụ công tác giám định chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 1168/KL-KTHS ngày 16/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Lương Văn D là ma túy, loại heroine, tổng khối lượng là 0,490 gam (không phải bốn chín không gam).

- Tại Kết luận giám định số: 1169/KL-KTHS ngày 17/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Sùng Mí X là ma túy, loại heroine, tổng khối lượng là 0,460 gam (không phải bốn sáu không gam).

- Tại Kết luận giám định số: 1177/KL-KTHS ngày 20/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Thảo Mí S là ma túy, loại heroine, khối lượng là 0,074gam (không phải không bảy tư gam).

Căn cứ vào lời khai của Lương Văn D, Sùng Mí X, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét và các tài liệu liên quan, thu thập có trong hồ sơ vụ án. Ngày 12/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: C09/QĐ-CSMT, đối với vụ án Tàng trữ trái

phép chất ma túy, quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Căn cứ kết quả giám định, ngày 18/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định khởi tố bị can số C11/QĐ-CSMT đối với Lương Văn D về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và Quyết định khởi tố bị can số C12/QĐ-CSMT đối với Sùng Mí X về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Ngày 10/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành kiểm tra điện thoại của Lương Văn D và Sùng Mí X, kết quả: Lương Văn D đã dùng số thuê bao 0398.486.535 gọi đến số thuê bao 0349.188.981 của Sùng Mí X để mua ma túy. Qua kiểm tra, Xác định mốc thời gian D liên lạc với X là 10 giờ 26 phút và thời gian X nhận cuộc gọi của D vào lúc 10 giờ 27 phút ngày 10/9/2025, thời gian liên lạc là 13 giây.

Ngày 10/10/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Văn bản số: C238/YC-CSMT gửi Cục bảo vệ an ninh Quân đội, Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel cung cấp thông tin về thông tin chủ thuê bao và lịch sử liên lạc của 02 thuê bao nêu trên. Ngày 03/12/2025, Cơ quan điều tra đã nhận được báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc và thoại của 02 thuê bao nêu trên. Kết quả: Thời gian D và X liên lạc với nhau vào ngày 09/9/2025 (lúc 08 giờ 17 phút 03 giây) và 10/9/2025 (lúc 10 giờ 27 phút 14 giây) trùng khớp với thời gian liên lạc khi kiểm tra điện thoại của D và X.

Tại cáo trạng số 16/CT-VKSKV8 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Sùng Mí X về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lương Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng Mí X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng Mí X từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/9/2025); đề nghị tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn D từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/9/2025). Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Sùng Mí X, Lương Văn D không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 251, khoản 5 Điều 249 BLHS.

Về vật chứng:

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX trả lại cho chủ sở hữu bà Lò Thị H, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Quyết Tâm, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang 01 (một) chiếc xe mô tô màu xanh biển kiểm soát 23N1-121.85 số khung: JA38E0516700; số máy: 3913KY036074 đã qua sử dụng.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự trả lại cho Thào Mí S, sinh năm 1974, trú tại thôn Há S1, xã M, tỉnh Tuyên Quang 01 (một) điện thoại di động loại OPPO màu tím màn hình cảm ứng (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước không kiểm tra chất lượng bên trong máy) là máy tạm giữ của Thào Mí S, ngày 11/9/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi 12, màu đen, (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra chất lượng máy bên trong), là máy tạm giữ của Lương Văn D, ngày 10/9/2025; 01 (một) điện thoại di động loại Redmi A2+ màu đen màn hình cảm ứng (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước không kiểm tra chất lượng bên trong máy) là máy tạm giữ của Sùng Mí X, ngày 10/9/2025.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065609 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Lương Văn D, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Lương Văn D. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 11/9/2025 ; 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065608 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Sùng Mí X, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Sùng Mí X. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 11/9/2025 ; 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065626 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Thào Mí S, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Thào Mí S. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 13/9/2025.

Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị H có ý kiến: Chị là vợ của bị cáo Lương Văn D. Vào ngày 10/9/2025, bị cáo D đã tự ý lấy xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX đứng tên chị Lò Thị H để đi mua ma túy nhưng chị không biết, gia đình chị không có xe máy làm phương tiện đi lại, chị H đề nghị được trả lại xe máy cho chị, đề nghị Hội đồng

xét xử xem xét.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thào Mí S. Xét thấy, trước đó người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại giai đoạn điều tra, việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử, do vậy căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định chung.

[3] Về căn cứ định tội và định khung hình phạt: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Sùng Mí X và bị cáo Lương Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét khẩn cấp; Biên bản mở niêm phong, cân tịnh vật chứng và lấy mẫu vật gửi giám định; Kết luận giám định; Biên bản xét nghiệm chất ma túy và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ, có đủ cơ sở xác định: Hồi 11 giờ 45 phút ngày 10/9/2025, Tổ công tác Công an xã M bắt quả tang Lương Văn D, sinh ngày 07/01/1985, trú tại thôn Quyết Tâm, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ở bên trong túi quần bên trái đang mặc tại đoạn đường tỉnh lộ 176 thuộc thôn S2, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Tổng khối lượng ma túy D tàng trữ là 0,490g (*không phải bốn trăm chín mươi gam*) ma túy loại heroin, mục đích để sử dụng. Qua đấu tranh, D khai nhận mua ma túy Heroine từ Sùng Mí X, sinh ngày 13/3/1974, trú tại thôn L, xã M, tỉnh Tuyên Quang.

[4] Ngày 10/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Sùng Mí X, phát hiện thu giữ tổng số 0,460g (*Không phải bốn trăm sáu mươi gam*) ma túy loại Heroine. Số ma túy, loại Heroine X đã bán cho D và số ma túy bị thu giữ tại nhà X theo lời khai X là do X mua của Thào Mí S, sinh ngày 01/01/1974, trú tại thôn Há S1, xã M, tỉnh Tuyên Quang 02 lần vào ngày 07/9/2025 và ngày 10/9/2025 với giá 2.800.000đ (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*) tại nhà của X (mỗi lần mua thì S đều đem ma túy xuống nhà X đưa cho X) về để bán lại cho những người thân quen có nhu cầu mua ma túy để kiếm lời và để sử dụng cho bản thân khi có nhu cầu. Ngày 09/9/2025 và ngày 10/9/2025, X bán cho Lương Văn D 02 lần ma túy Heroine với giá 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Tổng số ma túy, loại Heroine Sùng Mí X đã mua bán

trái phép có khối lượng là **0,95g** (*Không phải chín mươi năm gam*). Tổng số tiền mua bán trái phép chất ma túy là 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*).

[5] Hành vi của bị cáo Sùng Mí X đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Lương Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo Sùng Mí X, Lương Văn D là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Ma túy là loại độc dược có tính gây nghiện cao nên Nhà nước độc quyền quản lý, nghiêm cấm việc trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chất ma túy, nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng các chất ma túy. Trong khi các bị cáo đã đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và hoàn toàn nhận thức được hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cố ý phạm tội. Bị cáo Sùng Mí X là người sử dụng ma túy, để có lợi nhuận từ việc bán ma túy cũng như thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên bị cáo X đã mua ma túy loại Heroine mang về nhà rồi chia lẻ số ma túy ra để bán cho Lương Văn D nhằm mục đích kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Đối với bị cáo Lương Văn D cũng là người sử dụng ma túy, khi biết bị cáo X có ma túy bán nên bị cáo đã chủ động liên hệ qua điện thoại với X để mua ma túy với mục đích để sử dụng cho cá nhân, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Hành vi của các bị cáo gây nên sự bất bình trong nhân dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà các bị cáo đã gây ra, đảm bảo mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Sùng Mí X, Lương Văn D thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, bị cáo X và bị cáo D được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Sùng Mí X, Lương Văn D không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 251; khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[10] Đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Lương Văn D, Sùng Mí X. Kết quả xác minh đối với Sùng Mí X và Lương Văn D không thuộc diện quản lý sau cai, không thuộc diện đối tượng điều trị cai nghiện bằng thuốc thay thế Methadone, không thuộc diện đối tượng cai nghiện tự nguyện hoặc cai nghiện bắt buộc. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý Sùng Mí X, Lương Văn D, Thào Mí S về tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự. Hành vi của Sử dụng trái phép chất ma túy

của Lương Văn D, Sùng Mí X đã vi phạm khoản 1, Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ. Ngày 28 tháng 01 năm 2026, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lương Văn D và Sùng Mí X về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức xử phạt Cảnh cáo là phù hợp, đúng pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[12] Đối với chiếc xe mô tô màu xanh biển kiểm soát 23N1-121.85 số khung: JA38E0516700; số máy: 3913KY036074 đã qua sử dụng, quá trình điều tra Xc minh Xc định được là xe của Lò Thị H là vợ bị cáo Lương Văn D. Quá trình bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy thì Lò Thị H không biết nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[13] Đối với 01 điện thoại di động loại OPPO màu tím màn hình cảm ứng (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước không kiểm tra chất lượng bên trong máy) là máy tạm giữ của Thảo Mí S, ngày 11/9/2025 quá trình điều tra, Xc minh hành vi của Thảo Mí S không cấu thành tội phạm nên cần trả lại cho Thảo Mí S.

[14] Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi 12, màu đen, (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra chất lượng máy bên trong), là máy tạm giữ của Lương Văn D, ngày 10/9/2025; 01 (một) điện thoại di động loại Redmi A2+ màu đen màn hình cảm ứng (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước không kiểm tra chất lượng bên trong máy) là máy tạm giữ của Sùng Mí X, ngày 10/9/2025 là công cụ, phương tiện các bị cáo liên lạc để mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[15] Đối với các vật chứng gồm 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065609 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Lương Văn D, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Lương Văn D. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 11/9/2025; 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065608 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Sùng Mí X, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Sùng Mí X. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 11/9/2025 ; 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065626 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Thảo Mí S, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Thảo Mí S. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 13/9/2025. Các vật chứng này là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[16] Trong vụ án này có đối tượng Thảo Mí S, sinh năm 1974, thường trú tại thôn Há S1, xã M, tỉnh Tuyên Quang khai nhận số ma túy Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ có khối lượng 0,074 gam do S mua của Sùng Mí X vào ngày 10/9/2025 với số tiền 150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy (Heroine) của X thì S mang về nhà sử dụng một phần số còn lại S gói vào tờ lịch cất giấu ở đầu

giường ngủ với mục đích để sử dụng cho nhu cầu của bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan điều tra khám xét thu giữ, niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, bản thân S không thừa nhận được bán ma túy cho X, X cũng không thừa nhận bán ma túy cho S. Quá trình điều tra ngoài lời khai nhận của Sùng Mí X và lời khai ban đầu của Thảo Mí S cơ quan điều tra không có chứng cứ, tài liệu khác chứng minh về việc S bán ma túy cho X cũng như việc X bán ma túy cho S, tại Cơ quan điều tra, Sùng Mí X không đưa ra được tài liệu chứng cứ, chứng minh việc mua bán ma túy giữa X và S nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để tiến hành xử lý hình sự đối với S về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay đối tượng Thảo Mí S đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành tách các hồ sơ tài liệu liên quan đến đối tượng Thảo Mí S để tiếp tục Xc minh, điều tra làm rõ hành vi của S khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy 0,074 gam Heroine của Thảo Mí S không đủ khối lượng để khởi tố hình sự, đã phạm vào điểm a, khoản 2, Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội. Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

[17] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[18] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án, đề nghị về tội danh, đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt chính đối với các bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng và án phí là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[19] Biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[20] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng Mí X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Lương Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Mí X 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 10/9/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Sùng Mí X.

Căn cứ khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Sùng Mí X để đảm bảo thi hành án

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 10/9/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lương Văn D.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam đối với bị cáo Lương Văn D để đảm bảo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chủ sở hữu bà Lò Thị H, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Quyết Tâm, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang 01 (một) chiếc xe mô tô màu đen xanh biển kiểm soát 23N1-121.85 số khung: JA38E0516700; số máy: 3913KY036074 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Thào Mí S, sinh năm 1974, trú tại thôn Há S1, xã M, tỉnh Tuyên Quang 01 (một) điện thoại di động loại OPPO màu tím màn hình cảm ứng (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước không kiểm tra chất lượng bên trong máy) là máy tạm giữ của Thào Mí S, ngày 11/9/2025.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi 12, màu đen, (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra chất lượng máy bên trong), là máy tạm giữ của Lương Văn D, ngày 10/9/2025; 01 (một) điện thoại di động loại Redmi A2+ màu đen màn hình cảm ứng (điện thoại cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết trầy xước không kiểm tra chất lượng bên trong máy) là máy tạm giữ của Sùng Mí X, ngày 10/9/2025.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065609 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Lương Văn D, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Lương Văn D. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 11/9/2025 ; 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065608 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Sùng Mí X, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Sùng Mí X. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 11/9/2025 ; 01 (một) phong bì niêm phong có mã số PS3A-065626 mặt trước phong bì ghi tên vụ: Thào Mí S, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong. Bên trong là ma túy Heroine thu giữ của Thào Mí S. Đặc điểm khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định ngày 13/9/2025.

Tình trạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/02/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang và Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Tuyên Quang.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí X, Lương Văn D.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa Hình sự TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8;
- THADS tỉnh Tuyên Quang.
- CQCSĐT, PV06, PC10, Trại tạm giam số 2 Công an t. Tuyên Quang;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã M, UBND xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Việt Lương Thị Nhiều

Hoàng Thị Vân

Lời khai của người làm chứng Thào Pá Cầu (Anh trai ruột bị cáo Thào Chúng Sài): bl 408-409

Thưa cơ quan điều tra khi bố đẻ của tôi chết tôi là người đứng ra làm mai táng theo phong tục địa phương cho bố tôi. Việc chi phí làm đám tang tôi là người đứng ra chi phí và làm đám ma cho bố tôi tại nhà riêng của gia đình tôi, sau đám tang cho bố tôi tiền phúng viếng tôi đã chi phí cho việc làm đám, số tiền còn thừa đến nay tôi cũng không nhớ cụ thể là bao nhiêu nhưng đến nay tôi đã chi tiêu hết số tiền đó. Khi đó ông Thào Chúng Sài không đóng góp tiền với gia đình tôi để làm đám tang cho bố tôi vì lúc đó em trai tôi là Thào Chúng Sài không có mặt ở nhà mà đang đi chấp hành án phạt tù. Số tiền thu được từ mọi người đến phúng viếng cho bố tôi do tôi quản lý, chi phí cho việc làm đám cho bố tôi, số tiền thừa cũng do tôi giữ không chia cho các anh, em trong gia đình.

Lời khai của người làm chứng Thò Mí Nhù (Em họ bị cáo Thào Chúng Sài): bl 410-411

Tôi là em họ của bị cáo Thào Chúng Sài, còn Vàng Mí Đình tôi không quen biết, họ hàng gì cả. Cách đây 2-3 năm thì anh Sài có đến nhà tôi một vài lần. Chúng tôi là anh em họ với nhau nên cũng đến nhà nhau chơi.

Người có QLVLQ: bà Giàng Thị Dính, anh Thào Mí Chứ, chị Giàng Thị Già:

1, Giàng Thị Già (con dâu BC Sài)

Vợ chồng chị Già đang ở cùng bố mẹ chồng là Thào Chúng Sài, Giàng Thị Dính tại thôn Pắc Ngâm, xã Lao Và Chải, Yên Minh.

Ngôi nhà chính là vc chị và mẹ chồng là bà Dính và các con chị ở, còn 01 chuồng bò hai tầng thì tầng 1 để chăn nuôi trâu, bò, tầng 2 do bố chồng (Sài) ở.

H: Nguồn thu nhập chính của gđ ? Trong gđ chị thì ai là người cất giữ tài sản của gđ ?

Thu nhập của gia đình chị gồm bố mẹ chồng và vợ chồng chị từ làm nương mà có, ngoài ra không có nguồn thu nhập nào khác. Vợ chồng chị ở cùng bố mẹ chồng, số tiền thu được từ việc chăn nuôi vịt, gà thì để tiêu dùng hàng ngày, còn mỗi khi bán trâu, lợn được số tiền lớn thì do bố chồng giữ.

H: Chị có biết bố chồng chị (Sài) mua bán trái phép chất ma túy không ? => ko

H: BC Sài có nói cho chị biết về tài sản (tiền) riêng của vc BC Sài không ?

H: Mẹ chồng chị có nuôi trâu, bò, lợn không ?

Chị Già lấy chồng từ 2020, khi về nhà chồng thấy bố mẹ chồng có 04 con trâu, sau đó bố mẹ chồng mua thêm 03 con nữa (nhưng không nhớ mua năm nào). Hằng ngày chị là người cắt cỏ cho trâu ăn. Năm 2023 khi chị đi cắt cỏ về thấy bố chồng nói bán 01 con trâu được bao nhiêu tiền chị không biết vì bố chồng giữ tiền. Đến cuối năm 2023 bố chồng bán tiếp 03 con trâu, chị cũng không biết được bao nhiêu tiền, còn 01 con bố chồng bán lúc nào chị không nhớ. Số tiền bán 05 con trâu bố chồng chị giữ hết. Sau khi bố chồng chị bị bắt, đến khoảng tháng 02/2025 gđ chị bán nốt 02 con trâu còn lại được số tiền 23.800.000đ.

H: Khoảng cuối năm 2024 gđ chị có bán lợn cho ai không ? Bán cho ai, được bao nhiêu tiền, do ai cất giữ ?

Đ: Khoảng cuối năm 2024 (k nhớ tháng) bố chồng chị có bán 01 con lợn, nhưng chị không biết bán cho ai vì khi đó chị không ở nhà, chồng chị đang đi học, mẹ chồng đi chữa bệnh lao tại Bệnh viện đa KH tỉnh HG.

Số tiền bán lợn do bố chồng chị giữ.

H: Chị cho biết việc đám cưới của vợ chồng chị có tiền mừng cưới không ? nếu có thì do ai cất giữ ?

Đ: Khoảng tháng 11 âm lịch năm 2023, vc chị tổ chức đám cưới, lúc đó gđ chị không có tiền nên khi cưới xong có được tiền mừng cưới thì gđ chị mới trả. Sau khi cưới xong hai vc chị và bố mẹ chồng kiểm đếm tiền được 70 triệu (chị không nhớ cụ thể). Sau đó bố mẹ chồng chị thanh toán chi phí tổ chức đám cưới xong, chị nghe bố mẹ chồng nói là thừa khoảng 5 đến 6 triệu, số tiền còn thừa do bố chồng cất giữ.

H: Chị cho biết trong quá trình sống cùng gđ chồng, chị có biết con gái ông Sài đi lấy chồng Trung Quốc gửi tiền về cho vc ông Sài không ?

Đ: Gia đình có chị Thảo Thị Hờ (con gái ông Sài) đi lấy chồng Trung Quốc, chị không biết đi từ năm nào vì khi chị về nhà chồng ở thì không thấy chị Hờ mà chỉ nghe gđ nói lại là đi lấy chồng Trung Quốc. Chị cũng không thấy chị Hờ gửi tiền về cho bố mẹ chồng bao giờ, cũng không có ai nói cho chị biết nên không biết.

H: Gia đình chị có khoản tiền tiết kiệm nào không ?

H: Gia đình chị có vay vốn ngân hàng không ?

Đ: Có nghe chồng (Thào Mí Chứ) nói là vay vốn ngân hàng thêm 100.000.000đ để mua thêm trâu về nuôi. Chồng chị đứng tên vay năm 2023 (không nhớ cụ thể). Sau khi vay vốn về thì chồng chị đưa tiền cho bố chồng cất giữ, còn việc mua trâu như thế nào thì bố chồng chị mới biết.

H: Gia đình chị có thuộc diện gđ chính sách không ?

Đ: Tháng 11/2024 gđ chị đã được xóa tên khỏi danh sách hộ cận nghèo.

2, Thào Mí Chứ (con đẻ BC Sài)

H: Anh có ở cùng BC Sài không ?

Đ: Gia đình anh đang ở cùng bố mẹ tại thôn Pắc Ngâm, xã Lao Và Chải, Yên Minh. GĐ có bố mẹ đẻ của anh, vc anh và 03 con nhỏ của anh.

Ngôi nhà chính là vc anh và mẹ là bà Dính và các con anh ở, còn 01 chuồng bò hai tầng thì tầng 1 để chăn nuôi trâu, bò, tầng 2 do bố (Sài) ở.

H: Nguồn thu nhập chính của gđ ? Trong gđ thì ai là người cất giữ tài sản của gđ ?

Thu nhập của gia đình anh từ làm nương, chăn nuôi trâu, bò, lợn mà có, ngoài ra không có nguồn thu nhập nào khác. Vợ chồng anh ở cùng bố mẹ, quá trình chăn nuôi trâu, bò, lợn thì vc anh chăn nuôi chung cùng bố mẹ, khi bán được tiền thì bố anh là người giữ tiền.

H: Anh có biết bố anh (Sài) nghiện ma túy không? Có biết việc BC Sài mua bán trái phép chất ma túy không ? => ko biết.

H: BC Sài có nói cho anh biết về tài sản (tiền) của gđ không ?

=> ko

H: Gđ anh có chăn nuôi nhiều trâu, bò, lợn không ?

Đ: trước đây bố mẹ anh có nuôi 07 con trâu, bắt đầu mua từ năm 2019. Hằng ngày vc anh chúng giúp chăn trâu, hiện nay gđ anh đã bán trâu hết, còn lợn thì năm 2024 có nuôi thêm lợn.

H: Gđ anh bán trâu cho ai, được bao nhiêu tiền, ai là người cất giữ tiền?

Đ: Vào năm 2023 (ko nhớ rõ) bố anh bán 01 con trâu, thấy nói là được 30.000.000đ, đến năm 2024 bán 03 con trâu nói là được 52.000.000đ, còn 01 con bán khi nào và được bao nhiêu tiền. Số tiền đều do bố giữ. Khoảng tháng 02/2025 anh và mẹ bán 02 con trâu còn lại được 23.800.000đ.

H: Cuối năm 2024, đầu năm 2025 gđ anh có bán lợn cho ai không ? bán cho ai, được bao nhiêu tiền, do ai cất giữ?

Đ: Khoảng tháng 10/2024 bố anh có bán 01 con lợn, bán cho ai không biết do lúc đó anh đưa mẹ đi chữa bệnh. Số tiền bán được bao nhiêu không thấy bố nói, bố là người giữ tiền.

H: Anh cho biết việc đám cưới của vợ chồng anh có tiền mừng cưới không? nếu có thì do ai cất giữ ?

Đ: Năm 2023 bố mẹ tổ chức cho vc anh, tiền cưới 70 triệu, chi tiêu cưới cũng khoảng 70tr. Sau khi cưới số tiền còn thừa do bố giữ, không biết là bao nhiêu.

H: Anh cho biết chị gái anh (Thào Thị Hò) có hay về thăm gđ không, có gửi tiền về cho gđ không ?

Đ: Chị gái rất ít về, anh cũng không biết chị gái có gửi tiền về cho bố mẹ hay không vì không thấy bố nói gì.

H: Ngoài những khoản thu nhập trên, trong gđ còn có khoản tiền tiết kiệm nào khác không ?

Đ: Không có.

H: Gđ anh có vay vốn ngân hàng chính sách không ?

Đ: Tôi có vay Ngân hàng CSXH Yên Minh 100tr khoảng tháng 5/2023, anh đứng tên vay. Khi nhận tiền thì cùng mẹ đi nhận (*số tiền này do ai quản lý, sử dụng vào việc gì???*)

Số tiền này vay để mua trâu sinh sản, nên khi vay tiền về đưa cho bố cầm, còn mua trâu cụ thể như thế nào thì anh không biết. Bố anh tự đi tìm mua trâu.

H: Số tiền vay ngân hàng đã trả chưa ?

Đ: Số tiền gốc 100tr chưa trả, chỉ trả lãi hàng tháng.

=> Đề nghị xin lại số tiền không liên quan đến vụ án để gđ trang trải cuộc sống.

3, Giàng Thị Dính (vợ BC Sài)

H: Bà có biết bố anh (Sài) nghiện ma túy không? Có biết việc BC Sài mua bán trái phép chất ma túy không ? => ko biết.

H: Nguồn thu nhập chính của gđ ? Trong gđ thì ai là người cất giữ tài sản của gđ ?

Thu nhập của gia đình có được là do vc bà và hai vc con trai chăn nuôi trâu, bò, lợn mà có, trong gđ thì chồng bà là người giữ tiền của gđ.

H: VC bà ở chung với ai, có để chung tài sản không ?

Đ: Gđ có vc bà, ngoài ra có vc con trai và các cháu ở cùng với nhau. Quá trình ở cùng nhau không chung tài sản (tiền) với các con, chỉ có bà và chồng chung tài sản với nhau. Mỗi lần bán được gà, vịt thì tiền đưa cho con dâu và con trai để mua thức ăn, còn tiền bán trâu, bò, bán lợn được số tiền lớn thì do chồng bà giữ.

H: Bố chồng đẻ BC Sài chết khi nào? Chi phí đám ma như thế nào ?

Đ: Bố chồng bà là ông Thào Nhè SỐ chết vào khoảng năm 2016 (ko nhớ rõ), quá trình làm ma bố chồng thì bà không biết là chi tiêu như thế nào vì anh trai chồng bà tổ chức làm ma cho bố chồng bà, gđ bà chỉ mang rượu đến góp, còn số tiền mọi người phúng viếng thì chồng bà không thu, mà do anh trai chồng giữ.

H: Cuối năm 2024, đầu năm 2025 gđ có bán lợn cho ai không ? bán cho ai, được bao nhiêu tiền, do ai cất giữ?

Đ: Cuối năm 2024 có bán 04 con lợn, khi đó bà đi chữa bệnh. Đến cuối 2024, đầu năm 2025 thấy chồng bà điện nói là bán mỗi con được 5.000.000đ, hay 5 triệu 600 nghìn không nhớ rõ. Chồng bà là người giữ tiền, bà không biết bán cho ai, vc con trai bà cũng biết.

H: Hiện nay gđ còn trâu không ?

Đ: Năm nay không còn trâu, trước đây gđ có 07 con trâu. Năm 2024 chồng đã bán 05 con cho một người ở Lũng Táo được 98.000.000đ, số tiền này do chồng bà giữ. Đến tháng 02/2025 bà và con trai bà bán 02 con trâu còn lại được 23.800.000đ...

H: Số tiền tổ chức đám cưới cho vc con trai ...?

Đ: Được khoảng 75 - 76tr, chi phí đám cưới hết 70tr. Số tiền còn lại khoảng 5 - 6tr do chồng bà cất giữ.

H: Con gái bà có lấy chồng Trung QUỐC không ?

Đ: Con gái là Thảo Thị Hờ đã lấy chồng Trung Quốc, năm 2021 có gửi tiền về là 2000NDT, không biết con gái gửi cho ai bà không nhớ, **chỉ có chồng bà biết.**

H: Ngoài ra có nguồn thu nhập nào khác không ?

Đ: Không

H: Có vay ngân hàng không ? số tiền, vay khi nào, ai vay?

Đ: Con trai bà có đứng tên vay ngân hàng CSXH Yên Minh 100tr, vay để mua thêm trâu về nuôi. Sau khi vay tiền bà đã đưa tiền cho chồng, vc con dâu con trai đều biết.

H: Có ý kiến, đề nghị gì đối với số tiền bị thu giữ?

Đ: => Đề nghị xin lại số tiền không liên quan đến vụ án để gđ trang trải cuộc sống.